

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng gần 24 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/11/2022	•		
Tuần 28/11-02/12/2022	•		
Tháng 11/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giằng co tại vùng 955-960 trong cả phiên sáng, sau đó bật tăng mạnh trong phiên chiều và kết phiên tại mốc 971.46, tăng gần 24 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên Cơ bản vẫn tiếp tục đà tăng ấn tượng gần 9%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Dù bật tăng mạnh trong phiên hôm nay, nhưng thị trường chưa thể vượt qua vùng kháng cự 970-975 điểm. Nhà đầu tư tiếp tục theo dõi, hạn chế mua đuổi trong khi chờ các tín hiệu rõ ràng hơn cũng như hiệu ứng tâm lý tích cực hơn từ hiệu ứng mua ròng của các quỹ ngoại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư chỉ giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/11/2022, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+23.75** điểm, đóng cửa **971.46** điểm. HNX-Index **+5.56** điểm, đóng cửa **196.77** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.96)**, **BID (+2.59)**, **VHM (+2.21)**, **MSN (+1.83)**, **CTG (+1.47)**.
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-0.66)**, **GAS (-0.46)**, **VHC (-0.19)**, **PDR (-0.14)**, **SAB (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,419** tỷ đồng, tăng **20.95%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **9,716** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **15.93** điểm. Thị trường có **380** mã tăng, **62** mã tham chiếu, **72** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **961.53** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (128.55 tỷ)**, **VHM (111.79 tỷ)**, **HPG (97.15 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **23.25** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX

971.46

Giá trị: 8418.66 tỷ

23.75 (2.51%)

Khối ngoại (ròng): 961.53 tỷ

HNX-INDEX

196.77

Giá trị: 620.22 tỷ

5.56 (2.91%)

Khối ngoại (ròng): 23.25 tỷ

UPCOM-INDEX

68.41

Giá trị: 280.08 tỷ

0.91 (1.34%)

Khối ngoại (ròng): 2.63 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.8	0.92%
Giá vàng	1,752	-0.18%
Tỷ giá USD/VND	24,760	-0.31%
Tỷ giá EUR/VND	25,789	-0.24%
Tỷ giá JPY/VND	178	-0.41%
LS liên NH 1 tháng	6.9%	0.02%
LS TPCP 5 năm	4.8%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	128.6	VCB	-34.8
VHM	111.8	GAS	-17.8
HPG	97.2	DIG	-12.7
VIC	85.9	VHC	-12.7
VNM	85.0	DGC	-8.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Khuyến nghị dài hạn	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 25/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.04	0.12%	-4.13%	-7.44%	-0.06%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	84.57	-0.98%	-5.80%	-7.82%	5.24%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.40	-3.20%	-2.42%	-6.31%	4.03%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1754.37	0.29%	-0.37%	6.16%	-1.91%		PNJ
Bạc	Ounce	21.46	-0.24%	2.45%	10.98%	-8.96%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1434.50	-0.10%	1.24%	3.03%	13.35%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	792.69	-0.10%	-1.74%	-5.04%	-3.97%	AFX	
Sữa	Cwt	21.04	0.05%	0.29%	-3.49%	17.21%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	126.70	-0.31%	-2.16%	2.92%	-30.04%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	19.55	-0.96%	-3.55%	7.83%	-1.91%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.82	-0.70%	-0.70%	2.17%	-7.84%		
Cà phê	LB	160.45	-0.83%	3.22%	-15.73%	-34.86%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.62	0.17%	-1.78%	6.08%	-18.30%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3728.00	0.51%	-0.16%	0.81%	-14.61%		HPG
Nhôm	Ton	2371.50	-1.06%	-0.82%	7.07%	-12.73%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	98.00	1.03%	-1.01%	2.62%	2.62%	HPG	
Than đá	Ton	347.75	0.38%	3.93%	-10.41%	120.09%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

- Giá dầu**

 - Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.19% lên 78.09 USD/thùng vào lúc 7h27 (giờ Việt Nam) ngày 25/11. Ngược lại, giá dầu thô Brent giao tháng 1 giảm 0.35% xuống 85.11 USD/thùng.
 - Giá dầu Brent giảm trong khi dầu WTI của Mỹ tăng nhẹ, nhưng chỉ cao hơn chút ít so với mức thấp nhất 2 tháng do giới hạn mà nhóm G7 đề xuất đối với giá dầu Nga làm dấy lên nghi ngờ về cách thức hạn chế nguồn cung dầu từ Nga của biện pháp này.
- Giá vàng**

 - Giá vàng giao ngay tăng 0.3% lên 1,754.13 USD/ounce, trong khi giá vàng kỳ hạn tháng 12 tăng 0.5% lên 1,754.30 USD.
 - Giá vàng tăng lên mức cao nhất trong vòng gần 1 tuần do đồng USD yếu đi, sau khi biên bản cuộc họp tháng 11 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ báo hiệu rằng họ có thể sớm giảm tốc độ tăng lãi suất.
- Giá quặng sắt**

 - Quặng sắt tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc giao dịch ở mức tăng 1.3% lên 732.0 nhân dân tệ (102.36 USD)/tấn. Trên Sàn giao dịch Singapore, quặng sắt tăng 0.6% ở mức 95.90 USD/tấn.
 - Giá quặng sắt kết thúc chuỗi 3 phiên giảm, đảo chiều tăng trong ngày thứ Năm do các biện pháp hỗ trợ gần đây cho lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc lẫn át những lo ngại về sự gia tăng số ca nhiễm COVID-19 trong thời gian gần đây.
- Giá nông sản**

 - Giá cà phê Robusta kỳ hạn trên sàn ICE tăng trong phiên giao dịch trầm lắng vào thứ Năm trong bối cảnh có thông tin về nguồn cung tại Việt Nam chậm lại. Giá cà phê robusta kỳ hạn giao tháng 1 đóng cửa tăng 1.6% lên 1,843 USD/tấn. Không có giá cà phê Arabia trong phiên vừa qua do thị trường cà phê Mỹ nghỉ lễ Tạ Ơn.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (Tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	37.8	0.30%	1.4	2,227	3.9	3,363	11.2	2.5	49.00%	24.20%
PNJ	Bán lẻ	106.2	0.20%	0.9	1,052	1.0	5,633	18.9	3.5	48.30%	19.90%
BVH	Bảo hiểm	46.9	-3.70%	1.1	1,401	0.8	2,326	20.2	1.7	26.40%	9.20%
PVI	Bảo hiểm	40.9	2.50%	0.8	386	0.2	3,393	12.1	1.2	58.60%	10.60%
VIC	Bất động sản	65.0	6.60%	0.2	9,978	6.0	(176)	-369.5	2.1	11.30%	2.30%
VRE	Bất động sản	27.4	1.10%	1.1	2,506	1.0	571	48.0	2.0	31.30%	4.20%
VHM	Bất động sản	47.0	4.40%	0.4	8,238	6.3	6,464	7.3	1.6	23.20%	24.90%
DXG	Bất động sản	10.6	6.60%	2.0	259	2.8	1,202	8.8	0.5	29.60%	10.90%
SSI	Chứng khoán	17.1	6.90%	1.8	1,025	15.5	1,887	9.1	1.8	35.10%	21.80%
VCI	Chứng khoán	20.8	6.90%	2.2	366	7.3	3,478	6.0	1.3	17.40%	24.30%
HCM	Chứng khoán	20.0	6.90%	1.8	369	5.8	2,415	8.3	1.2	40.60%	17.50%
FPT	Công nghệ	72.0	2.10%	0.8	3,179	3.7	4,481	16.1	3.6	49.00%	27.80%
FOX	Công nghệ	48.5	0.00%	0.6	-	0.0	6,130	7.9	2.5	0.00%	32.50%
GAS	Dầu khí	104.8	-0.90%	0.7	8,074	1.7	6,738	15.6	3.3	3.00%	24.20%
PLX	Dầu khí	28.2	2.70%	1.2	1,445	1.4	565	50.0	1.5	17.20%	4.00%
PVS	Dầu khí	19.4	2.60%	1.0	373	2.6	1,117	17.4	0.7	10.50%	4.80%
BSR	Dầu khí	13.5	3.10%	1.4	-	2.7	4,970	2.7	1.1	0.00%	19.60%
DHG	Dược	80.7	-1.30%	0.3	425	0.0	6,590	12.2	2.9	54.20%	23.90%
DPM	Hóa chất	37.6	3.00%	1.7	592	2.2	14,451	2.6	1.2	15.40%	51.20%
DCM	Hóa chất	26.1	1.60%	1.8	556	3.4	7,604	3.4	1.4	8.60%	48.10%
VCB	Ngân hàng	73.1	0.10%	0.7	13,925	4.9	5,271	13.9	2.9	23.50%	21.90%
BID	Ngân hàng	40.0	5.30%	1.1	8,144	4.1	2,580	15.5	2.3	16.90%	15.50%
CTG	Ngân hàng	25.8	4.90%	1.3	4,991	14.7	3,057	8.4	1.3	26.80%	15.20%
VPB	Ngân hàng	15.5	2.60%	1.2	4,188	6.0	3,747	4.1	0.9	17.40%	24.20%
MBB	Ngân hàng	16.2	3.20%	1.4	2,956	6.4	3,467	4.7	1.1	19.40%	27.00%
ACB	Ngân hàng	21.5	2.40%	1.1	2,923	2.4	3,482	6.2	1.4	24.00%	25.40%
BMP	Nhựa	54.0	3.80%	0.9	178	0.1	4,412	12.2	1.8	85.20%	15.20%
NTP	Nhựa	32.3	3.20%	0.9	168	0.0	4,027	8.0	1.4	13.30%	18.60%
MSR	Tài nguyên	10.6	2.90%	1.7	-	0.0	556	19.1	1.1	10.10%	4.70%
HPG	Thép	15.3	6.60%	1.5	3,581	16.3	5,164	3.0	0.9	20.60%	34.50%
HSG	Thép	9.9	6.90%	2.3	237	5.1	3,476	2.8	0.5	6.70%	19.20%
VNM	Tiêu dùng	82.2	1.20%	0.5	6,915	8.6	4,531	18.1	5.0	55.00%	26.90%
SAB	Tiêu dùng	180.0	-0.30%	0.1	4,646	1.0	7,167	25.1	4.9	62.80%	21.00%
MSN	Tiêu dùng	94.0	5.60%	1.3	5,387	3.5	7,616	12.3	6.1	29.00%	33.60%
SBT	Tiêu dùng	11.6	5.50%	1.4	314	1.1	1,372	8.5	0.9	7.90%	9.60%
ACV	Vận tải	82.0	-1.20%	0.2	-	0.1	1,204	68.1	4.7	3.80%	1.80%
VJC	Vận tải	102.0	0.80%	0.1	2,224	1.1	408	249.7	3.2	16.40%	1.30%
HVN	Vận tải	9.4	2.00%	1.3	838	0.2	(4,376)	-2.1	-8.9	5.90%	13.50%
GMD	Vận tải	46.0	0.00%	0.6	558	2.7	2,912	15.8	1.9	46.80%	14.00%
PVT	Vận tải	18.3	4.30%	1.5	238	1.1	1,853	9.9	0.8	14.70%	12.70%
VCS	Vật liệu xây dựng	48.0	7.60%	1.1	309	0.3	10,584	4.5	1.6	2.90%	36.90%
VGC	Vật liệu xây dựng	32.0	6.90%	1.7	577	1.0	4,354	7.3	1.6	5.40%	25.90%
HT1	Vật liệu xây dựng	8.8	2.70%	1.7	135	0.1	509	17.3	0.7	1.90%	3.60%
CTD	Xây dựng	30.5	5.20%	2.1	91	0.4	(945)	-32.3	0.3	49.00%	0.30%
CII	Xây dựng	12.8	6.70%	1.9	129	2.1	1,379	9.2	8.9	8.70%	5.50%
REE	Điện	70.4	0.90%	1.0	1,007	0.9	6,600	10.7	1.5	49.00%	17.60%
PC1	Điện	17.1	6.90%	1.4	186	1.6	2,045	8.4	0.8	4.50%	9.50%
POW	Điện	10.8	2.40%	1.4	1,023	3.4	666	16.3	0.8	2.60%	6.20%
NT2	Điện	25.2	1.80%	1.0	293	0.7	3,192	7.9	1.6	14.20%	21.40%
KBC	Khu công nghiệp	17.7	5.70%	1.6	547	5.5	3,280	5.4	0.8	17.60%	5.40%
BCM	Khu công nghiệp	74.9	-0.10%	1.1	3,120	0.2	1,620	46.2	4.3	2.80%	10.10%

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	21.5	19.1	12.57%	24	13.49%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	82.0	74.7	9.77%	90	9.76%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	74.9	75.0	-0.13%	94	25.77%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.5	13.6	-0.74%	19	38.52%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	45.0	37.7	19.36%	51	13.78%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	12.6	10.6	18.87%	14	11.90%	Click
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	19.4	17.1	13.45%	28	44.33%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	72.0	65.9	9.26%	85	17.50%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	59.0	59.8	-1.34%	75	27.63%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.5	12.2	2.46%	16	25.60%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	32.0	29.0	10.34%	43	35.62%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	17.7	16.7	5.99%	18	2.26%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	19.3	18.9	2.12%	24	22.28%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	37.8	37.9	-0.26%	50	33.07%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	106.2	94.1	12.86%	119	11.96%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	10.9	10.5	3.83%	13	19.82%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	13.5	13.6	-0.74%	20	45.93%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	19.4	19.1	1.57%	28	44.33%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	18.3	17.5	4.57%	20	8.74%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.2	12.0	1.67%	16	31.15%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	70.4	70.2	0.28%	86	22.16%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	73.1	75.0	-2.53%	90	23.53%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38.0	34.9	8.88%	48	26.32%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	59.8	74.9	-20.16%	87	45.82%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	82.2	77.0	6.75%	86	4.50%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	27.4	25.0	9.60%	32	16.06%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Kim
Phân tích định lượng

Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Hòa
Phân tích phái sinh

Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Mộc
Phân tích cơ bản

Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Thổ
Phân tích chứng quyền

Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Thủy
Bảo cáo phân tích

Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



5

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
16	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
18	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
19	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
21	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
25	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
28	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
31	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
34	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
41	Banking Sector Outlook		x	Click
42	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
44	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639